TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/DS-ST
Ngày: 16/4/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Vũ Nguyễn Phúc Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST-DS ngày 12/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-HPT ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Phường AT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồ Phương N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huyền L trình bày:

Do có quen biết từ trước nên vào ngày 18/10/2021, ông Nguyễn Hồ Phương N hỏi vay bà Nguyễn Thị Huyền L số tiền 300.000.000đồng, bà đồng ý nên đã đưa cho ông N vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền mặt và chuyển khoản cho ông N 237.500.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Cùng

ngày ông N và bà L ký với nhau hợp đồng vay tiền, do có nhầm lẫn khi đánh máy nên ngày ghi trong hợp đồng là 18/10/2020. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận bà L cho ông N vay số tiền 300.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất cho vay hai bên tự thỏa thuận, không ghi trong hợp đồng. Đến ngày 28/10/2021, bà L tiếp tục chuyển khoản cho ông N số tiền 47.500.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bà L đã cho ông N vay là 300.000.000đồng. Đến hạn thanh toán nhưng ông N không thực hiện đúng thỏa thuận. Nay bà L yêu cầu ông N trả cho bà tổng số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L không yêu cầu ông N trả lãi do chậm thanh toán.

Ông Nguyễn Hồ Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, nhưng ông N không đến Tòa làm việc, không cung cấp bất kỳ lời khai nào, tại phiên tòa ông N cũng vắng mặt, vì vậy không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Hồ Phương N tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và được Công an Phường M, Quận A trả lời như sau: "Ông Nguyễn Hồ Phương N sinh năm 1983 có đăng ký thường trú tại địa chỉ phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và không thực tế cư ngụ tại địa phương từ tháng 12/2022 đến nay. Hiện ông Nguyễn Hồ Phương N đang cư ngụ tại huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông". Theo kết quả xác minh của công an huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông thì "qua xác minh tại TĐ, Đắk Nông, công dân Nguyễn Hồ Phương N có đăng ký tạm trú tại TĐ, Đắk Nông từ ngày 05/9/2023. Tuy nhiên, hiện nay trường hợp Nguyễn Hồ Phương N không có mặt tại địa phương, công an xã không xác định được nơi ở hiện tại của công dân".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Hồ Phương N thanh toán cho bà Nguyễn Thị Huyền L số tiền 300.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Huyền L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồ Phương N (có nơi cư trú theo Hợp đồng vay tại Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán tiền vay mà ông N còn nợ. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong hợp đồng vay ông N cung cấp địa chỉ của ông ở tại Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; theo kết quả xác minh của Công an Phường J, Quận A thì ông N có địa chỉ thường trú tại Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư ngụ tại địa phương, hiện ông N đang cư ngụ tại huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; Theo kết quả xác minh của công an huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông thì công dân Nguyễn Hồ Phương N có đăng ký tạm trú tại TĐ, Đắk Nông từ ngày 05/9/2023. Tuy nhiên, hiện nay trường hợp Nguyễn Hồ Phương N không có mặt tại địa phương, công an xã không xác định được nơi ở hiện tại của công dân. Như vậy, việc ông N bỏ đi khỏi địa phương không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huyền L, cũng không thông báo nơi cư trú mới cho cơ quan quản lý cư trú tại địa phương biết, thể hiện ông N cố tình che dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ, vì vậy, căn cứ Điều 192 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn là ông Nguyễn Hồ Phương N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Huyền L thì vào ngày 18/10/2021, ông Nguyễn Hồ Phương N hỏi vay bà Nguyễn Thị Huyền L số tiền 300.000.000đồng, bà đồng ý nên đã cho ông N vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền mặt và chuyển khoản cho ông N 237.500.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Cùng ngày ông N và bà L ký với nhau hợp đồng vay tiền, do có nhầm lẫn khi đánh máy nên ngày ghi trong hợp đồng là 18/10/2020. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận bà L cho ông N vay số tiền 300.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất cho vay hai bên tự thỏa thuận, không ghi trong hợp đồng. Đến ngày 28/10/2021, bà L tiếp tục chuyển khoản cho ông N số tiền 47.500.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bà L đã cho ông N vay là 300.000.000đồng. Bà L cũng đã nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà đã chuyển tiền vào tài khoản của ông N.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã thông báo cho ông Nguyễn Hồ Phương N về việc Tòa án thụ lý vụ án và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo về địa chỉ mà ông N đã cung cấp khi tiến hành giao dịch với bà L, tuy nhiên phía ông N không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông N về việc phản đối các tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Những tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra mà đương sự kia thừa nhận hoặc không phản đối thì đương sự đó không phải chứng minh. Vì vậy, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu mà bà L đưa ra có giá trị chứng minh.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Hồ Phương N có vay của bà Nguyễn Thị Huyền L số tiền là 300.000.000đồng, chưa thanh toán. Vì vậy, nay

bà L khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán cho bà toàn bộ số tiền 300.000.000đồng mà ông N còn nợ là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Bà L không yêu cầu ông N phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Nguyễn Hồ Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5% x 300.000.000đồng = 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Huyền L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, 357, 440 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Hồ Phương N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Huyền L số tiền vay còn nợ là 300.000.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Huyền L và ông Nguyễn Hồ Phương N ngày 18/10/2020.

Phương thức thanh toán: thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Huyền L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hồ Phương N không thi hành trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải trả cho bà L khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hồ Phương N phải nộp án phí là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị Huyền L không phải nộp án phí, trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

số 0038429 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;

- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hồng Nga